TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 1006/2019/HN-PT
Ngày: 05/11/2019.
V/v "Tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Kim Khánh

Các Thẩm phán: 1/ Bà Trần Thị Nhung.

2/ Ông Phan Trịnh Minh Đức.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hiển – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh: Ông Phan Văn Kiền – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong ngày 05/11/2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 109/2019/TLPT-HNGĐ ngày 23 tháng 9 năm 2019 về "Tranh chấp ly hôn".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 387/2019/HNGĐ-ST ngày 05 tháng 8 năm 2019 của Tòa án nhân dân Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 4869/2019/HNGĐ-ST ngày 11 tháng 10 năm 2019 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Phạm Hoàng A, sinh năm 1973. Địa chỉ: 40 NTH, phường B, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

2. Bị đơn: Bà Huỳnh Vũ Thùy D, sinh năm 1977. Địa chỉ: 198 VVK, phường B, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

4. Người kháng cáo: Nguyên đơn Ông Phạm Hoàng A.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi và các bản khai trong quá trình giải quyết, nguyên đơn Ông Phạm Hoàng A trình bày:

Ông và Bà Huỳnh Vũ Thùy D tự nguyện kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 59 quyển số 01 do Ủy ban nhân dân phường B, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 26 tháng 5 năm 2003. Ngày 18/6/2018, ông và bà D nộp đơn yêu cầu Tòa án nhân dân Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh giải quyết cho ông bà được thuận tình ly hôn vì vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu

thuẫn do sự khác biệt về tính cách và quan điểm sống mà không thể dung hòa, sự việc kéo dài hơn 10 năm nên cả hai thống nhất thuận tình ly hôn. Tuy nhiên, ngày 28/9/2018, sau khi Tòa án lập biên bản ghi nhận thuận tình ly hôn thì bà D thay đổi ý kiến không muốn ly hôn. Về phía ông do nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn khả năng hàn gắn nên ông vẫn giữ nguyên yêu cầu được ly hôn.

Con chung: Quá trình chung sống, có 02 con chung là Phạm Huỳnh Ý V, sinh ngày 02/02/2005 và Phạm Huỳnh Minh T, sinh ngày 03/10/2017. Hai bên thống nhất hai con chung sẽ do bà D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con tự thỏa thuận.

Tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại đơn yêu cầu giải quyết việc thuận tình ly hôn, bản khai, biên bản hòa giải của Tòa án Bà Huỳnh Vũ Thùy D trình bày:

Vợ chồng chung sống được 15 năm nhưng có hơn 13 năm thường xuyên mâu thuẫn, đã làm đơn ly hôn nhiều lần nhưng sau đó được hòa giải, lần này do không thể chấp nhận được nhau thêm nữa nên cả hai thống nhất thuận tình ly hôn.

Sau đó vì con bà thay đổi ý kiến không muốn ly hôn, muốn giữ gia đình cho con. Khi làm đơn thuận tình ly hôn bản thân bà nhận thấy giữa vợ chồng có nhiều mâu thuẫn nhưng do bà nghĩ ông Hoàng A là người tốt nên vì con bà thay đổi ý kiến không muốn thuận tình ly hôn.

Con chung: Ông bà thỏa thuận hai con chung là Phạm Huỳnh Ý V, sinh ngày 02/02/2005 và Phạm Huỳnh Minh T, sinh ngày 03/10/2017 do bà trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Hai bên thỏa thuận về cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa sơ thẩm, ông A trình bày: Ông giữ nguyên yêu cầu được ly hôn với bà D do tình cảm vợ chồng không còn khả năng hàn gắn. Thời gian chung sống vợ chồng bản thân ông bị vợ, gia đình vợ không tôn trọng, xem thường. Ông là người có công việc ổn định, cũng có địa vị xã hội nhưng lại không nhận được sự tôn trọng từ gia đình bên vợ. Tình trạng đó kéo dài dẫn đến tình cảm của ông dành cho vợ không còn, không thể hàn gắn hạnh phúc gia đình.

Bà D có đơn xin vắng mặt trong quá trình Tòa án giải quyết, xét xử và giữ nguyên ý kiến đã trình bày.

Tại bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 387/2019/HNGĐ-ST ngày 05 tháng 8 năm 2019 của Tòa án nhân dân Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273, khoản 5 Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 51, Điều 54, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Quan hệ hôn nhân: Ông Phạm Hoàng A được ly hôn với Bà Huỳnh Vũ Thùy D (Giấy chứng nhận kết hôn số 59 quyển số 01 do Ủy ban nhân dân phường B, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 26/5/2003 không còn giá trị pháp lý kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật).

Con chung: Giao hai con chung là trẻ Phạm Huỳnh Ý V, sinh ngày 02/02/2005 và Phạm Huỳnh Minh T, sinh ngày 03/10/2017 cho Bà Huỳnh Vũ Thùy D trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của Bà Huỳnh Vũ Thùy D không yêu cầu Ông Phạm Hoàng A cấp dưỡng nuôi con.

Không ai được cản trở cha mẹ thực hiện quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

Trong quá trình nuôi dưỡng, vì lợi ích của con, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về phần án phí, quyền kháng cáo và thi hành án của các đương sự theo qui định của pháp luật.

Ngày 19/8/2019, nguyên đơn Ông Phạm Hoàng A có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm số 387/2019/HNGĐ-ST ngày 05 tháng 8 năm 2019 của Tòa án nhân dân Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh với nội dung: Ông đề nghị hủy bản án sơ thẩm với lý do ông muốn hàn gắn gia đình, vì sự phát triển về thể chất và tinh thần của các con và vợ ông cũng có mong muốn tiếp tục gắn bó với ông.

Ngày 11/9/2019, Ông Phạm Hoàng A có đơn đề nghị được rút đơn khởi kiện, yêu cầu đình chỉ giải quyết vụ án sơ thẩm để gia đình đoàn tụ và ổn định về thể chất, tinh thần cho các con.

Ngày 09/10/2019, Ông Phạm Hoàng A có đơn yêu cầu rút đơn kháng cáo, rút đơn khởi kiện.

Ngày 10/10/2019, Bà Huỳnh Vũ Thùy D có bản khai đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn Ông Phạm Hoàng A trình bày:

Ông giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, giữ nguyên yêu cầu rút đơn khởi kiện. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm và đình chỉ việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu:

Việc tuân thủ pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án: Thẩm phán chủ tọa đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về "Nguyên tắc xét xử, thành phần hội đồng xét xử, sự có mặt của các thành viên trong hội đồng xét xử và thư ký phiên tòa; Phạm vi xét xử phúc thẩm" tại phiên tòa phúc thẩm.

Về nội dung vụ án: Đề nghị không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, không chấp nhận yêu cầu rút đơn khởi kiện của nguyên đơn. Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận. Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Về hình thức: Đơn kháng cáo ngày 19/8/2019 của Ông Phạm Hoàng A nộp trong thời hạn luật định và đã đóng tạm ứng án phí phúc thẩm, là phù hợp với quy định tại Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, nên đơn kháng cáo được chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Bị đơn Bà Huỳnh Vũ Thùy D có đơn ngày 10/10/2019 đề nghị vắng mặt trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn bà D.

[2] Về nội dung:

Tại phiên tòa, Ông Phạm Hoàng A yêu cầu rút lại phần rút kháng cáo và giữ nguyên yêu cầu rút đơn khởi kiện.

Xét yêu cầu giữ nguyên yêu cầu kháng cáo của Ông Phạm Hoàng A là tự nguyện, không vượt quá phạm vi xét xử phúc thẩm nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Xét việc rút đơn khởi kiện của nguyên đơn Ông Phạm Hoàng A, Hội đồng xét xử nhận thấy: Theo quy định tại khoản 1 Điều 299 Bộ luật Tố tụng dân sự thì *"Trước khi mở phiên tòa hoặc tại phiên tòa phúc thẩm, nếu nguyên đơn rút đơn khởi kiện thì Hội đồng xét xử phải hỏi bị đơn có đồng ý hay không và tùy từng trường hợp mà giải quyết như sau:*

Bị đơn không đồng ý thì không chấp nhận việc rút đơn khởi kiện của nguyên đơn..."

Bị đơn Bà Huỳnh Vũ Thùy D có văn bản trình bày ý kiến không đồng ý với việc rút đơn khởi kiện của ông A, do đó không có cơ sở để chấp nhận việc rút đơn khởi kiện của Ông Phạm Hoàng A. Hội đồng xét xử tiếp tục xem xét theo yêu cầu kháng cáo của ông A.

Xét thấy bản án sơ thẩm đã xem xét chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Mâu thuẫn giữa nguyên đơn và bị đơn là có thật. Ông A mong muốn hàn gắn gia đình nhưng không được bà D đồng ý. Hôn nhân là sự chung tay từ cả phía người vợ lẫn người chồng cùng sống chung, thương yêu, chung thủy, tôn

trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau san sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình để xây dựng cuộc sống gia đình hạnh phúc trong khi ông A và bà D đã sống ly thân từ hơn 01 năm nay, tình cảm vợ chồng càng không có điều kiện vun đắp, hàn gắn nên Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn là phù hợp quy định Điều 56 Luật Hôn nhân Gia đình, do đó Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông A.

[3] Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, ông A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007818 ngày 10 tháng 7 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Hoàn cho Ông Phạm Hoàng A số tiền 150.000 (Một trăm năm mươi ngàn) đồng tiền tạm ứng lệ phí đã nộp theo Biên lai tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0023246 ngày 10 tháng 7 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

Án phí dân sự phúc thẩm: Ông A phải chịu 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng án phí phúc thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án Pháp lệnh về án phí lệ phí Tòa án nhưng được cấn trừ vào tiền tạm ứng án phí phúc thẩm ông A đã nộp là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0008031 ngày 20/8/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 138, Khoản 1 Điều 148, Điều 227, Điều 279, 280, Điều 293, Khoản 1 Điều 308 và Điều 313 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 51, 54, 56, 57, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án Pháp lệnh về án phí lệ phí Tòa án,

- Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo Ông Phạm Hoàng A.

- Không chấp nhận yêu cầu rút đơn khởi kiện của Ông Phạm Hoàng A.

- Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Quan hệ hôn nhân: Ông Phạm Hoàng A được ly hôn với Bà Huỳnh Vũ Thùy D (Giấy chứng nhận kết hôn số 59 quyển số 01 do Ủy ban nhân dân phường

B, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 26/5/2003 không còn giá trị pháp lý kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật).

Con chung: Giao hai con chung là trẻ Phạm Huỳnh Ý V, sinh ngày 02/02/2005 và Phạm Huỳnh Minh T, sinh ngày 03/10/2017 cho Bà Huỳnh Vũ Thùy D trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của Bà Huỳnh Vũ Thùy D không yêu cầu Ông Phạm Hoàng A cấp dưỡng nuôi con.

Không ai được cản trở cha mẹ thực hiện quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

Trong quá trình nuôi dưỡng, vì lợi ích của con, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

2/ Án phí:

Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Phạm Hoàng A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007818 ngày 10 tháng 7 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Hoàn cho Ông Phạm Hoàng A số tiền 150.000 (Một trăm năm mươi ngàn) đồng tiền tạm ứng lệ phí đã nộp theo Biên lai tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0023246 ngày 10 tháng 7 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Ông A đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Phạm Hoàng A phải chịu 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng án phí phúc thẩm nhưng được cấn trừ vào tiền tạm ứng án phí phúc thẩm ông A đã nộp là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0008031 ngày 20/8/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông A đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

3/ Chi phí tố tụng khác: Không có.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân Tối cao;
- Tòa án nhân dân cấp cao tại TPHCM;
- Viện kiểm sát Cấp cao tại TPHCM,
- Viện kiểm sát nhân dân Tp.HCM
- TAND Quận A, TPHCM;
- Chi cục THADS Quận A, TPHCM;
- Các đương sự (để thi hành)
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ngô Thị Kim Khánh